

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ PHÚ THỌ
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15 -10- 2019

“V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ THỌ - TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Hà Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vi Văn Hải

2. Bà Lưu Thị Thúy Nga

-Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Viết Xuân - Thẩm tra viên Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên tòa: Ông Lưu Thanh Liêm - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 10 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T - sinh năm 1988.

Địa chỉ: Số 51, đường H, phường T, thành phố K, tỉnh Kon Tum. (Có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C - sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 7, phố P, phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và những lời trình bày tiếp theo tại Toà án, chị Trần Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P vào ngày 16/9/2013. Sau khi kết hôn, vợ chồng về chung sống cùng gia đình anh C ở phố P, phường P, thị xã P. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do anh C đam mê cờ bạc, không quan tâm đến vợ, con, thiếu trách nhiệm với vợ. Đến tháng 7/2016, mâu thuẫn vợ chồng trở nên trầm trọng, chị đã về nhà bố mẹ đẻ sống. Vợ chồng ly thân từ đó không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh C.

-Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo N - sinh ngày 01/11/2010 hiện nay đang ở với chị và Nguyễn Bảo C sinh ngày 11/7/2012 hiện nay đang ở với anh C. Ly hôn, chị xin được nuôi cháu N, để anh C nuôi cháu C, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

-Về tài sản chung: Không có.

-Về công nợ, công sức: Đều không có.

*Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập nhiều lần anh Nguyễn Văn C có mặt tại Trụ sở Tòa án để giải quyết việc chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng anh C đều vắng mặt không có lý do mặc dù đã được tổng đạt giấy triệu tập và các thông báo hợp lệ. Như vậy, anh C cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án nên không có bản tự khai của anh C và Tòa án không tiến hành hòa giải được theo quy định của pháp luật.

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Thọ có quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Vụ án được thụ lý đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ điều 51, điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

-Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử: Xử cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

-Về con chung: Xử giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo Ngọc - sinh ngày 01/11/2010; anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo Châu, sinh ngày 11/7/2012 cho đến khi các cháu thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Về tài sản chung, công nợ, công sức: Chị T trình bày không có nhưng do anh C vắng mặt không có lời khai. Do vậy các quan hệ này cần tách ra, khi nào có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

-Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa. Trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn C là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn

có nơi cư trú tại phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã P theo quy định tại khoản 1 điều 28, khoản 1 điều 35 và khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh C cố tình lẩn tránh, từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Do đó, anh C không có bản tự khai và Tòa án không tiến hành hòa giải được. Phiên tòa ngày 26/9/2019, bị đơn anh Nguyễn Văn C đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, anh C đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là anh Nguyễn Văn C.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thị xã P, tỉnh Phú Thọ. Đây là cuộc hôn nhân tự do tiến bộ và hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 03 năm, sau đó vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh C ham mê cờ bạc, thường xuyên đánh chửi chị T và không quan tâm đến vợ. Chị T đã về nhà bố mẹ đẻ sinh sống từ tháng 7/2016, vợ chồng sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ. Nay tình cảm vợ chồng không còn, chị T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn anh C. Qua biên bản xác minh ý kiến của chính quyền địa phương nơi vợ chồng chung sống thì mâu thuẫn vợ chồng chị T, anh C đã trầm trọng, khó có thể hàn gắn được và chị T đã về nhà bố mẹ đẻ từ năm 2016. Vì vậy, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh C đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc chị T xin ly hôn anh C là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Bảo N - sinh ngày 01/11/2010 và Nguyễn Bảo C- sinh ngày 11/7/2012. Quan điểm của chị T sau khi ly hôn, chị xin được nuôi cháu N, để anh C nuôi cháu C, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu N đang ở với chị T, cháu C đang ở với anh C, các cháu đều đang có cuộc sống ổn định. Hơn nữa nguyện vọng cháu N mong muốn được ở với mẹ, cháu C muốn được ở với bố. Do vậy, để tránh xáo trộn cuộc sống và đảm bảo tương lai lâu dài của các cháu. Cần chấp nhận đề nghị của chị Trần Thị T, giao cháu Nguyễn Bảo N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Bảo C cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và đúng quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản chung, công nợ công sức: Chị T trình bày không có, không đề nghị giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, anh C vắng mặt, không có bản tự khai nên các quan hệ trên không biết có hay không. Do đó, các quan hệ này được tách ra khi nào có yêu cầu thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[5]. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 56, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo N - sinh ngày 01/11/2010; anh Nguyễn Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Bảo C - sinh ngày 11/7/2012 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Trần Thị T, anh Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002291 ngày 21/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã P. Chị Trần Thị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có mặt có quyền kháng cáo. Anh C vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao hoặc niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã,
- Đường sự;
- Chi cục THADS thị xã;
- Lưu HS (2bản);
- Lưu văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hà Thu Hiền